ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

Biểu số: 81/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ ĐIỆN BÀN NĂM 2024

(Dự toán đã được HĐND thị xã thông qua)

(Kèm theo Quyết định số: 58 /QĐ-UBND ngày 05 /01/2024 của UBND thị xã Điện Bàn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	**TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH THỊ XÃ**	**1.836.757**
I	**Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp**	**1.499.362**
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	924.637
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	574.725
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**337.395**
-	Thu bổ sung cân đối	-
-	Thu bổ sung có mục tiêu	337.395
III	**Thu kết dư**	-
IV	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**	-
B	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ**	**1.836.757**
I	**Tổng chi cân đối ngân sách**	**1.836.757**
1	Chi đầu tư phát triển	858.814
2	Chi thường xuyên	957.297
3	Dự phòng ngân sách	20.646
4	Chi từ nguồn tăng thu cấp xã, phường	-
5	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-
II	**Chi các chương trình mục tiêu**	-
1	Chi các chương trình MTQG	-
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-
III	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**	-

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

Biểu số 82/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH THỊ XÃ VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán đã được HĐND thị xã thông qua)

(Kèm theo Quyết định số: 58 /QĐ-UBND ngày 05 /01/2024 của UBND thị xã Điện Bàn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	**NGÂN SÁCH THỊ XÃ**	
I	**Nguồn thu ngân sách**	**1.836.757**
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	1.499.362
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	337.395
-	*Thu bổ sung cân đối*	-
-	*Thu bổ sung có mục tiêu*	*337.395*
3	Thu kết dư	-
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-
II	**Chi ngân sách**	**1.819.150**
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	1.627.015
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	192.135
-	*Chi bổ sung cân đối*	*121.761*
-	*Chi bổ sung có mục tiêu*	*70.374*
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	-
B	**NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG**	
I	**Nguồn thu ngân sách**	**209.742**
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	17.607
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	192.135
-	*Thu bổ sung cân đối*	*121.761*
-	*Thu bổ sung có mục tiêu*	*70.374*
3	Thu kết dư	-
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-
II	**Chi ngân sách**	**209.742**

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

Biểu số 83/CK-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Dự toán đã được HĐND thị xã thông qua)

(Kèm theo Quyết định số: 58 /QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của UBND thị xã Điện Bàn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	**2.944.800**	**1.499.362**
I	**Thu nội địa**	**2.944.800**	**1.499.362**
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý	27.680	11.908
	- Thuế giá trị gia tăng	*24.170*	*10.393*
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	*3.500*	*1.505*
	- Thuế tài nguyên	*10*	*10*
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý	7.340	3.156
	- Thuế giá trị gia tăng	*1.090*	*469*
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	*6.250*	*2.688*
	- Thuế tài nguyên	-	-
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	843.450	363.385
	- Thuế giá trị gia tăng	*188.400*	*81.012*
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	*84.070*	*36.150*
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	*569.750*	*244.993*
	- Thuế tài nguyên	*1.230*	*1.230*
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	299.470	129.114
	- Thuế giá trị gia tăng	*181.840*	*78.191*
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	*92.480*	*39.766*
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	*24.550*	*10.557*
	- Thuế tài nguyên	*600*	*600*
5	Thuế thu nhập cá nhân	159.570	68.615
6	Thuế bảo vệ môi trường	1.500	387
7	Lệ phí trước bạ	45.000	45.000
8	Thu phí, lệ phí	11.770	7.146
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	6.500	6.500
10	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	46.740	46.740

STT	NỘI DUNG	Dự toán	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
11	Thu tiền sử dụng đất	1.466.930	803.465
12	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	-	-
13	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	-	-
14	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	1.900	1.767
15	Thu khác ngân sách	25.050	10.279
16	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	1.900	1.900
II	**Thu viện trợ**	-	-

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

Biểu số 84/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2024

(Dự toán đã được HĐND thị xã thông qua)

(Kèm theo Quyết định số: 58 /QĐ-UBND ngày 05 /01/2024 của UBND thị xã Điện Bàn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Chia ra	
			Ngân sách thị xã	Ngân sách xã
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	**1.836.757**	**1.627.015**	**209.742**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ**	**1.836.757**	**1.627.015**	**209.742**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**858.814**	**858.814**	**-**
1	Chi đầu tư cho các dự án	55.349	55.349	-
1.1	Ngân sách tập trung	15.036	15.036	-
1.2	Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung	28.513	28.513	-
1.3	Nguồn sổ số kiến thiết	-	-	-
1.4	Nguồnngân sách trung ương bổ sung	11.800	11.800	-
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	803.465	803.465	-
II	**Chi thường xuyên**	**957.297**	**750.289**	**207.008**
	Trong đó:			
1	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*	422.275	421.475	800
2	*Chi khoa học và công nghệ*	-	-	-
III	**Dự phòng ngân sách**	**20.646**	**17.912**	**2.734**
IV	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**	-	-	-
V	**Chi từ nguồn tăng thu cấp xã, phường**	-	-	-
B	**CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**	-	-	-
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-	-	-
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	-	-
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**	-	-	-

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

Biểu số 85/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2024

(Dự toán đã được HĐND thị xã thông qua)

(Kèm theo Quyết định số: 58 /QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của UBND thị xã Điện Bàn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	**1.819.150**
A	**CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH XÃ**	**192.135**
B	**CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC**	**1.627.015**
	Trong đó:	
I	**Chi đầu tư phát triển**	**858.814**
1	Chi đầu tư cho các dự án	858.814
	Trong đó:	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	22.133
1.2	Chi khoa học và công nghệ	-
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình	-
1.4	Chi văn hóa thông tin	15.800
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	6.000
1.6	Chi thể dục thể thao	10.000
1.7	Chi bảo vệ môi trường	-
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	465.286
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	4.900
1.10	Quân sự, Công an	4.200
1.11	Chi bảo đảm xã hội	7.320
2	Chi đầu tư phát triển khác	-
II	**Chi thường xuyên**	**750.289**
	Trong đó:	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	421.475
2	Sự nghiệp Y tế	12.973
3	Sự nghiệp Văn hóa - Thông tin - Thể dục thể thao	3.925

STT	Nội dung	Dự toán
4	Sự nghiệp phát thanh	456
5	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	126.790
6	Chi QLNN, Đảng, Đoàn thể	52.338
7	Sự nghiệp An ninh	1.510
8	Sự nghiệp Quốc phòng	3.817
9	Chi sự nghiệp kinh tế	109.716
10	Sự nghiệp môi trường	14.670
11	Chi khác ngân sách	2.618
III	**Dự phòng ngân sách**	**17.912**
IV	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**	-
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**	-

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

Biểu số 86/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2024

(Dự toán đã được HĐND thị xã thông qua)

(Kèm theo Quyết định số: 58 /QĐ-UBND ngày 05 /01/2024 của UBND thị xã Điện Bàn)

Đvt: triệu đồng

STT	ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (Không kể chương trình MTQG)	CHI THƯỜNG XUYÊN (Không kể chương trình MTQG)	CHI DỰNG PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU
							TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ	THƯỜNG XUYÊN	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
	TỔNG SỐ	**1.697.389**	**858.814**	**732.043**	**17.912**	**18.246**	**-**	**-**	**-**	**-**
I	**CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC**	**1.609.103**	**858.814**	**732.043**	**-**	**18.246**	**-**	**-**	**-**	**-**
1	Văn phòng HĐND & UBND	8.602	-	8.602	-	-	-	-	-	-
2	Phòng Kinh tế	3.458	-	3.458	-	-	-	-	-	-
3	Phòng Tư pháp	1.425	-	1.425	-	-	-	-	-	-
4	Phòng Tài chính - Kế hoạch	2.614	-	2.614	-	-	-	-	-	-
5	Phòng Quản lý đô thị	25.229	-	25.229	-	-	-	-	-	-
6	Phòng Tài nguyên - Môi trường	10.288	-	10.288	-	-	-	-	-	-
7	Phòng Nội vụ	3.536	-	3.536	-	-	-	-	-	-
7.1	*Phòng Nội vụ*	*3.205*	-	*3.205*	-	-	-	-	-	-
7.2	*Hội người mù + CTĐ*	*331*	-	*331*	-	-	-	-	-	-
8	Thanh tra thị xã	1.348	-	1.348	-	-	-	-	-	-
9	Phòng Lao động - TBXH	140.170	-	140.170	-	-	-	-	-	-
9.1	*Phòng Lao động - TBXH*	*139.965*	-	*139.965*	-	-	-	-	-	-
9.2	*Hội (thuộc phòng LĐTBXH)*	*205*	-	*205*	-	-	-	-	-	-

STT	ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (Không kể chương trình MTQG)	CHI THƯỜNG XUYÊN (Không kể chương trình MTQG)	CHI DỰNG PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU
							TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ	THƯỜNG XUYÊN	
10	Phòng Giáo dục & Đào tạo	4.770	-	4.770	-	-	-	-	-	-
10.1	*Phòng Giáo dục & Đào tạo*	*4.667*	-	*4.667*	-	-	-	-	-	-
10.2	*Hội Khuyến học*	*103*	-	*103*	-	-	-	-	-	-
11	Phòng Văn hóa - Thông tin	2.936	-	2.936	-	-	-	-	-	-
12	Thị ủy	11.037	-	11.037	-	-	-	-	-	-
13	Ủy ban MTTQVN	9.315	-	*9.315*	-	-	-	-	-	-
13.1	*Văn phòng UBMT*	*2.835*	-	*2.835*	-	-	-	-	-	-
13.2	*Thị đoàn*	*1.405*	-	*1.405*	-	-	-	-	-	-
13.3	*Phụ nữ*	*1.514*	-	*1.514*	-	-	-	-	-	-
13.4	*Nông dân*	*2.673*	-	*2.673*	-	-	-	-	-	-
13.5	*Cựu chiến binh*	*786*	-	*786*	-	-	-	-	-	-
13.6	*Hội người cao tuổi, từ thiện*	*103*	-	*103*	-	-	-	-	-	-
14	Trung tâm VHTT & THTT thị xã	3.539	-	3.539	-	-	-	-	-	-
15	Đội kiểm tra quy tắc đô thị	2.692	400	2.292	-	-	-	-	-	-
16	Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp	5.505	495	5.010	-	-	-	-	-	-
17	Khối trường học	334.389	-	334.389	-	-	-	-	-	-
17.1	*Mẫu giáo*	*75.401*	-	*75.401*	-	-	-	-	-	-
17.2	*Tiểu học*	*147.938*	-	*147.938*	-	-	-	-	-	-
17.3	*Trung học sơ sở*	*111.050*	-	*111.050*	-	-	-	-	-	-
18	Quân sự thị xã	3.694	-	3.694	-	-	-	-	-	-
19	Công an thị xã	1.851	-	1.851	-	-	-	-	-	-
20	Trung tâm chính trị	696		696						

STT	ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (Không kể chương trình MTQG)	CHI THƯỜNG XUYÊN (Không kể chương trình MTQG)	CHI DỰNG PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU
							TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ	THƯỜNG XUYÊN	
21	Ngân hàng chính sách xã hội (Vốn uỷ thác)	1.500		1.500						
22	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã	270.462	270.462	-						
23	Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã	86.000	86.000	-						
24	Các chế độ, chính sách và nhiệm vụ chưa phân bổ	655.799	501.457	154.342	-	-	-	-	-	-
25	Tiết kiệm 10% dự nguồn CCTL	18.246	-	-	-	18.246	-	-	-	-
II	**CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH**	**17.912**	-	-	**17.912**	-	-	-	-	-
III	**CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG**	-	-	-	-	-	-	-	-	-

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

Biểu số 87/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

(Dự toán đã được HĐND thị xã thông qua)

(Kèm theo Quyết định số: 58 /QĐ-UBND ngày 05 /01/2024 của UBND thị xã Điện Bàn)

Đvt: triệu đồng

STT	ĐƠN VỊ	TỔNG DỰ TOÁN	TRONG ĐÓ													
			SN GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO	CHI KH VÀ CN	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BVMT	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	Bao gồm		CHI QLNN, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	SN ĐẢM BẢO XÃ HỘI	AN NINH	CÁC DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC HĐND PHÊ CHUẨN KH 2021 - 2025
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THUỶ LỢI, THUỶ SẢN				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ	**858.814**	**22.133**	**-**	**-**	**15.800**	**6.000**	**10.000**	**-**	**465.286**	**176.991**	**43.000**	**4.900**	**7.320**	**4.200**	**323.175**
1	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	270.462	22.133	-	-	-	-	10.000	-	228.196	112.896	-	4.500	5.633	-	-
2	Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã	86.000	-	-	-	-	-	-	-	86.000	1.000	-	-	-	-	-
3	Đội Kiểm tra quy tắc đô thị	400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	400	-	-	-
4	Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp thị xã	495	-	-	-	-	-	-	-	495	-	-	-	-	-	-
5	Chưa phân bổ chi tiết	501.457	-	-	-	15.800	6.000	-	-	150.595	63.095	43.000	-	1.687	4.200	323.175

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

Biểu số 88/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

(Dự toán đã được HĐND thị xã thông qua)

(Kèm theo Quyết định số: 58 /QĐ-UBND ngày 05 /01/2024 của UBND thị xã Điện Bàn)

Đvt: triệu đồng

STT	ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	GD-ĐT	KH-CN	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	VHTT-TDTT	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH	SN ĐẢM BẢO XÃ HỘI	CHI QLNN, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	AN NINH	QUỐC PHÒNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	Bao gồm		SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG	CHI KHÁC
													CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THUỶ LỢI, THUỶ		
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
	TỔNG SỐ	**957.297**	**422.275**	**-**	**14.672**	**9.711**	**2.244**	**136.700**	**196.304**	**7.577**	**11.349**	**136.617**	**4.773**	**39.340**	**16.550**	**3.298**
I	**Ngân sách thị xã chi trực tiếp**	**750.289**	**421.475**	**-**	**12.973**	**3.925**	**456**	**126.790**	**52.338**	**1.510**	**3.817**	**109.716**	**4.773**	**39.340**	**14.670**	**2.618**
1	Văn phòng HĐND & UBND	8.602	-		72	74	-	-	7.720	-	-	737	-	737	-	-
2	Phòng Kinh tế	3.458	-		-	-	-	-	1.848	-	-	1.610	-	1.610	-	-
3	Phòng Tư pháp	1.425	35		-	-	-	-	1.390	-	-	-	-	-	-	-
4	Phòng Tài chính - Kế hoạch	2.614	-		-	-	-	-	1.944	-	-	670	-	670	-	-
5	Phòng Quản lý đô thị	25.229	-		-	-	-	-	1.622	-	-	23.607	4.773	18.834	-	-
6	Phòng Tài nguyên - Môi trường	10.288	-		-	-	-	-	1.683	-	-	4.380	-	4.380	4.225	-
7	Phòng Nội vụ	3.536	150		-	-	-	-	3.086	-	-	300	-	300	-	-
7.1	*Phòng Nội vụ*	3.205	*150*		-	-	-	-	2.755	-	-	300	-	300	-	-
7.2	*Hội người mù + CTĐ*	331	-		-	-	-	-	331	-	-	-	-	-	-	-
8	Thanh tra thị xã	1.348	-		-	-	-	-	1.348	-	-	-	-	-	-	-
9	Phòng Lao động - TBXH	140.170	-		12.295	-	-	125.162	1.695	-	-	1.018	-	1.018	-	-
9.1	*Phòng Lao động - TBXH*	139.965	-		*12.295*	-	-	125.162	1.490	-	-	1.018	-	1.018	-	-
9.2	*Hội (thuộc phòng LĐTBXH)*	205	-		-	-	-	-	205	-	-	-	-	-	-	-
10	Phòng Giáo dục & Đào tạo	4.770	3.215		-	-	-	-	1.555	-	-	-	-	-	-	-
10.1	*Phòng Giáo dục & Đào tạo*	4.667	*3.215*		-	-	-	-	1.452	-	-	-	-	-	-	-
10.2	*Hội Khuyến học*	103	-		-	-	-	-	103	-	-	-	-	-	-	-
11	Phòng Văn hóa - Thông tin	2.936	-		-	1.104	-	-	1.552	-	-	280	-	280		
12	Thị ủy	11.037	-		-	-	-	-	11.037	-	-		-	-		

STT	ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	GD-ĐT	KH-CN	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	VHTT-TDTT	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH	SN ĐẢM BẢO XÃ HỘI	CHI QLNN, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	AN NINH	QUỐC PHÒNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	*Bao gồm*		SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG	CHI KHÁC
													CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THUỶ LỢI, THUỶ		
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
13	Ủy ban MTTQVN	9.315	190		-	-	-	-	7.425	-	-	1.590	-	1.590	110	-
13.1	*Văn phòng UBMT*	2.835	-		-	-	-	-	2.555	-	-	170	-	170	110	
13.2	*Thị đoàn*	1.405	*190*		-	-	-	-	1.215	-	-	-	-	-	-	-
13.3	*Phụ nữ*	1.514	-		-	-	-	-	1.394	-	-	120	-	120	-	-
13.4	*Nông dân*	2.673	-		-	-	-	-	1.373	-	-	1.300	-	1.300	-	-
13.5	*Cựu chiến binh*	786	-		-	-	-	-	786	-	-	-	-	-	-	-
13.6	*Hội người cao tuổi, từ thiện*	103	-		-	-	-	-	103	-	-	-	-	-	-	-
14	Trung tâm VHTT & THTT thị xã	3.539	-		-	2.714	456	-	-	-	-	369	-	369	-	-
15	Đội kiểm tra quy tắc đô thị	2.292	-		-	-	-	-	-	-	-	2.292	-	2.292	-	-
16	Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp	5.010	-		-	-	-	-	-	-	-	5.010	-	5.010	-	-
17	Khối trường học	334.389	334.389		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
17.1	*Mẫu giáo*	*75.401*	*75.401*		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
17.2	*Tiểu học*	*147.938*	*147.938*		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
17.3	*Trung học sơ sở*	*111.050*	*111.050*		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
18	Quân sự thị xã	3.694	-		-	-	-	-	-	-	3.694	-	-	-	-	-
19	Công an thị xã	1.851	-		-	-	-	-	-	1.101	-	750	-	750	-	-
20	Trung tâm chính trị	696	300		-		-	-	396	-	-	-	-	-	-	-
21	Ngân hàng chính sách xã hội (Vốn uỷ thác)	1.500	-		-	-	-	-	-	-	-	1.500	-	1.500	-	-
22	Các chế độ, chính sách và nhiệm vụ chưa phân bổ	154.342	72.680		591	-	-	1.628	7.015	258	1	59.546	-	-	10.335	2.288
23	Tiết kiệm 10% dự nguồn CCTL	18.246	10.516		15	33	-	-	1.022	151	122	6.057	-	-	-	330
II	**Ngân sách xã, phường chi**	**207.008**	**800**	**-**	**1.699**	**5.786**	**1.788**	**9.910**	**143.966**	**6.067**	**7.532**	**26.901**	**-**	**-**	**1.880**	**680**

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

Biểu số 89/CK-NSNN

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ, PHƯỜNG NĂM 2024

(Dự toán đã được HĐND thị xã thông qua)

(Kèm theo Quyết định số: 58 /QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của UBND thị xã Điện Bàn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện	Số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp huyện	Số bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách cấp xã
			Tổng số	Chia ra						
				Thu ngân sách xã hưởng 100%	*Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia*					
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
	TỔNG SỐ	**28.135**	**17.607**	**9.665**	**7.942**	**121.761**	**70.374**	**-**	**-**	**209.742**
1	Điện Tiến	350	284	234	50	6.345	3.205	-	-	9.834
2	Điện Thọ	990	580	271	309	7.117	3.281	-	-	10.978
3	Điện Hồng	895	717	582	135	7.605	3.885	-	-	12.207
4	Điện Nam Bắc	933	763	635	128	5.349	3.325	-	-	9.437
5	Điện Nam Trung	929	581	319	262	5.553	3.482	-	-	9.616
6	Điện Nam Đông	1.147	833	596	237	5.385	3.163	-	-	9.381
7	Điện Thắng Bắc	1.681	827	183	644	5.500	2.781	-	-	9.108
8	Điện Thắng Trung	2.289	1.092	188	904	5.646	2.987	-	-	9.725
9	Điện Thắng Nam	657	371	155	216	5.808	2.790	-	-	8.969
10	Điện Ngọc	3.702	2.660	1.875	785	5.794	6.643	-	-	15.097
11	Điện Phương	1.384	795	350	445	7.083	4.657	-	-	12.535
12	Điện Phước	978	525	183	342	6.659	2.505	-	-	9.689
13	Điện Quang	542	436	356	80	6.154	2.805	-	-	9.395
14	Điện Minh	1.074	647	325	322	6.151	3.277	-	-	10.075
15	Điện Phong	735	413	170	243	6.346	2.612	-	-	9.371
16	Điện An	1.802	1.028	444	584	6.130	4.177	-	-	11.335
17	Điện Trung	289	212	154	58	5.916	2.402	-	-	8.530
18	Điện Hòa	980	738	556	182	7.172	3.113	-	-	11.023
19	Vĩnh Điện	4.122	2.098	571	1.527	4.280	3.686	-	-	10.064
20	Điện Dương	2.656	2.007	1.518	489	5.768	5.598	-	-	13.373

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

Biểu số 90/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH THỊ XÃ CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ, PHƯỜNG NĂM 2024

(Dự toán đã được HĐND thị xã thông qua)

(Kèm theo Quyết định số: 58 /QĐ-UBND ngày 05 /01/2024 của UBND thị xã Điện Bàn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1=2+3+4	2	3	4
TỔNG SỐ		**70.374**	-	**70.374**	-
1	Điện Tiến	3.205	-	3.205	-
2	Điện Thọ	3.281	-	3.281	-
3	Điện Hồng	3.885	-	3.885	-
4	Điện Nam Bắc	3.325	-	3.325	-
5	Điện Nam Trung	3.482	-	3.482	-
6	Điện Nam Đông	3.163	-	3.163	-
7	Điện Thắng Bắc	2.781	-	2.781	-
8	Điện Thắng Trung	2.987	-	2.987	-
9	Điện Thắng Nam	2.790	-	2.790	-
10	Điện Ngọc	6.643	-	6.643	-
11	Điện Phương	4.657	-	4.657	-
12	Điện Phước	2.505	-	2.505	-
13	Điện Quang	2.805	-	2.805	-
14	Điện Minh	3.277	-	3.277	-
15	Điện Phong	2.612	-	2.612	-
16	Điện An	4.177	-	4.177	-
17	Điện Trung	2.402	-	2.402	-
18	Điện Hòa	3.113	-	3.113	-
19	Vĩnh Điện	3.686	-	3.686	-
20	Điện Dương	5.598	-	5.598	-

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

Biểu số 92/CK-NSNN

PHÂN BỔ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2024

(Dự toán đã được HĐND thị xã thông qua)

(Kèm theo Quyết định số: 58 /QĐ-UBND ngày 05 /01/2024 của UBND thị xã Điện Bàn)

Đvt : triệu đồng

STT	DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ	Địa điểm xây dựng	Đơn vị quản lý dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư	Tổng mức đầu tư	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024	Nguồn dự toán năm 2024							Ghi chú
							Nguồn XDCB tập trung	Nguồn thu tiền sử đất		Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách tỉnh			Ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu	
								Tiền sử dụng đất thu từ các dự án do doanh nghiệp làm chủ đầu tư phát sinh trên địa bàn thị xã được tỉnh điều tiết 50%	Tiền sử dụng đất thị xã thu hưởng 100%	Nguồn thu Tiền sử dụng đất	Nguồn XSKT	Nguồn XDCB tập trung		
	TỔNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2024 (A+B+C+D+E)					**858.814**	**15.036**	**663.465**	**140.000**	**16.500**	**1.000**	**11.013**	**11.800**	
A	**Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu tiệu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn**													
B	**Hỗ trợ xây dựng chòi/phòng trú bão, lũ, lụt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025**													
C	**Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới**					**37.400**		**18.000**		**6.500**	**1.000**	**5.100**	**6.800**	
D	**KẾ HOẠCH VỐN PHÂN BỔ CHO CÁC DỰ ÁN THỊ XÃ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX+X+XI+XII+XIII+XIV+XV+XVI+XVII+XVIII+XIX)**					**791.414**	**15.036**	**630.465**	**125.000**	**10.000**	**-**	**5.913**	**5.000**	
I	**Hỗ trợ mục tiêu cho xã, Phường theo Nghị quyết 06/NQ-HĐND ngày 06/5/2021 của HĐND thị xã về cơ chế hỗ trợ từ nguồn thu tiền sử dụng đất cho các đơn vị, địa phương**					**152.693**		**132.693**	**20.000**					*Phân bổ chi tiết khi xác định nguồn thu tiền sử dụng đất phát sinh trên địa bàn xã, Phường nào và xã, Phường đề xuất DM dự án hỗ trợ có mục tiêu cụ thể*
II	**Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư**					**10.000**		**10.000**						
III	**Nhiệm vụ quy hoạch**					**2.000**		**2.000**						
IV	**Chương trình (Đề án) quản lý và đầu tư các cụm công nghiệp trên địa bàn thị xã Điện Bàn giai đoạn 2020-2025**					**20.000**		**20.000**						
V	**Chương trình (Đề án) nâng cấp, mở rộng đường trục chính GTNT, đô thị 2019-2025 (thực hiện giai đoạn 2021-2025) Theo Nghị quyết 15/NQ-HĐND ngày 22/11/2018, Nghị quyết 01/NQ-HĐND 25/5/2020 và Nghị quyết 08/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của HĐND thị xã và các Nghị quyết điều chỉnh Chương trình này của HDNĐ thị xã**					**15.000**	**-**	**15.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính GTNT, đô thị tại xã Điện Thọ (Tuyến từ Võ Như Hưng đến Cống chui cao tốc)	xã Điện Thọ	BQLDA ĐTXD thị xã	4248/QĐ-UBND ngày 21/04/2022	4.570	426		426						
2	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính GTNT đô thị xã Điện Hòa (Tuyến từ ĐH1 (nhà Hiền) đến Đập Bàu Nít	xã Điện Hòa	BQLDA ĐTXD thị xã	1088/QĐ-UBND ngày 26/01/2022	9.158	429		429						

STT	DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ	Địa điểm xây dựng	Đơn vị quản lý dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư	Tổng mức đầu tư	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024	Nguồn dự toán năm 2024							Ghi chú
							Nguồn XDCB tập trung	Nguồn thu tiền sử đất		Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách tỉnh			Ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu	
								Tiền sử dụng đất thu từ các dự án do doanh nghiệp làm chủ đầu tư phát sinh trên địa bàn thị xã được tỉnh điều tiết 50%	Tiền sử dụng đất thị xã thu hưởng 100%	Nguồn thu Tiền sử dụng đất	Nguồn XSKT	Nguồn XDCB tập trung		
3	Tuyến đường từ Khe nước đến cống ông Sung- xã Điện Tiến	xã Điện Tiến	BQLDA ĐTXD thị xã	3241/QĐ-UBND ngày 15/6/2023	8.200	4.000		4.000						
4	Vốn chưa phân bổ Chương trình (Đề án) nâng cấp, mở rộng đường trục chính GTNT, đô thị 2019-2025					10.145		10.145						*Phân bổ chi tiết khi các dự án trong Đề án đảm bảo các thủ tục đầu tư theo quy định*
VI	**Chương trình kiên cố hóa đường ĐH giai đoạn 2021-2025 (Đối ứng cùng nguồn vốn ngân sách tỉnh thực hiện kiên cố hóa đường ĐH giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết 38/NQ-HĐND ngày 17/9/2020 của HĐND tỉnh Quảng Nam)**					**12.991**	**2.136**	**10.855**	-	-	-	-	-	
1	ĐH03.ĐB - Lý trình Km0+00-Km2+00	xã Điện Phước	BQLDA ĐTXD thị xã	19904/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	8.431	**750**		750						
2	Công trình: Tuyến ĐH16.ĐB (Điện Thọ - Điện Tiến) Địa điểm: Xã Điện Tiến, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Xã Điện Tiến	BQLDA ĐTXD thị xã	11851/QĐ-UBND ngày 20/12/2022	10.735	**1.300**	1.300							
3	Tuyến ĐH 03.ĐB (Điện Phước-Điện Hoà)	xã Điện Phước-xã Điện Hoà	BQLDA ĐTXD thị xã	2446/QĐ-UBND ngày 17/5/2022	11.003	**2.991**	836	2.155						
4	Vốn chưa phân bổ Chương trình (Đề án) Kiên cố hoá ĐH					**7.950**		7.950						*Phân bổ chi tiết khi các dự án trong Đề án đảm bảo các thủ tục đầu tư theo quy định*
VII	**Chương trình kiên cố hóa đường GTNT giai đoạn 2021-2025 (Đối ứng cùng nguồn vốn ngân sách tỉnh thực hiện kiên cố hóa đường GTNT giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết 38/NQ-HĐND ngày 17/9/2020 của HĐND tỉnh Quảng Nam)**					**45.000**		45.000						*Phân bổ chi tiết khi các dự án trong Đề án đảm bảo các thủ tục đầu tư theo quy định*

STT	DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ	Địa điểm xây dựng	Đơn vị quản lý dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư	Tổng mức đầu tư	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024	Nguồn dự toán năm 2024							Ghi chú
							Nguồn XDCB tập trung	Nguồn thu tiền sử đất		Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách tỉnh			Ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu	
								Tiền sử dụng đất thu từ các dự án do doanh nghiệp làm chủ đầu tư phát sinh trên địa bàn thị xã được tỉnh điều tiết 50%	Tiền sử dụng đất thị xã thu hưởng 100%	Nguồn thu Tiền sử dụng đất	Nguồn XSKT	Nguồn XDCB tập trung		
VIII	**Đề án phát triển nông nghiệp bền vững, gắn với xây dựng hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, đô thị Điện Bàn giai đoạn 2022-2026 và Chính sách hỗ trợ thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến tiết kiệm nước giai đoạn 2021 - 2025**					**40.100**		40.100						*Phân bổ chi tiết khi các dự án trong Đề án đảm bảo các thủ tục đầu tư theo quy định*
IX	**Đề án phát triển ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng chính quyền số thị xã Điện Bàn đến năm 2026, đình hướng đến năm 2030 theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 24/02/2022 của HĐND thị xã**					**10.000**		10.000						*Phân bổ chi tiết khi các dự án trong Đề án đảm bảo các thủ tục đầu tư theo quy định*
X	**Đề án phát triển giáo dục và đào tạo thị xã Điện Bàn giai đoạn 2022-2026, định hướng đến năm 2030 theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 24/02/2022 của HĐND thị xã**					**22.133**	**-**	**10.900**	**11.233**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Xây dựng phòng học Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	phường Điện Thắng Trung	BQLDA ĐTXD thị xã	15054/QĐ-UBND ngày 13/9/2021	8.400	283			283					
2	Xây dựng phòng học Trường THCS Phan Châu Trinh	phường Điện An	BQLDA ĐTXD thị xã	12658/QĐ-UBND ngày 17/8/2021	12.000	1.950		1.000	950					
3	Trường Tiểu học Huỳnh Thúc Kháng	xã Điện Hồng	BQLDA ĐTXD thị xã	7978/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	2.759	2.500		1.000	1.500					
4	Trường Tiểu học Hồ Văn Biển	phường Điện Dương	BQLDA ĐTXD thị xã	7386/QĐ-UBND ngày 20/10/2023	9.000	6.000		3.000	3.000					
5	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	xã Điện Phong	BQLDA ĐTXD thị xã	4050/QĐ-UBND ngày 04/7/2023	4.541	2.200		1.100	1.100					
6	Trường THCS Lý Tự Trọng	phường Điện Minh	BQLDA ĐTXD thị xã	735/QĐ-UBND ngày 03/3/2023	9.350	1.800		900	900					
7	Xây dựng phòng học Trường TH Nguyễn Văn Cừ (Cơ sở 1)	phường Điện Phương	BQLDA ĐTXD thị xã	1606/QĐ-UBND ngày 11/4/2023	4.730	1.600		800	800					
8	Trường tiểu học Cao Bá Quát (cơ sở 1), xã Điện Hồng	xã Điện Hồng	BQLDA ĐTXD thị xã	6697/QĐ-UBND ngày 26/9/2023	2.600	1.300		600	700					

STT	DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ	Địa điểm xây dựng	Đơn vị quản lý dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư	Tổng mức đầu tư	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024	Nguồn dự toán năm 2024							Ghi chú
							Nguồn XDCB tập trung	Nguồn thu tiền sử đất		Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách tỉnh			Ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu	
								Tiền sử dụng đất thu từ các dự án do doanh nghiệp làm chủ đầu tư phát sinh trên địa bàn thị xã được tỉnh điều tiết 50%	Tiền sử dụng đất thị xã thu hưởng 100%	Nguồn thu Tiền sử dụng đất	Nguồn XSKT	Nguồn XDCB tập trung		
9	Trường THCS Phan Thúc Duyện	xã Điện Thọ	BQLDA ĐTXD thị xã	2587/QĐ-UBND ngày 25/8/2023	9.200	4.500		2.500	2.000					
XI	**Đề án phát triển một số lĩnh vực văn hoá thị xã Điện Bàn giai đoạn 2022-2026 theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 24/02/2022 của HĐND thị xã**					**5.800**		**3.484**	**2.317**					*Phân bổ chi tiết khi các dự án trong Đề án đảm bảo các thủ tục đầu tư theo quy định*
XII	**Đề án xây dựng hệ thống truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông trên địa bàn thị xã giai đoạn 2022-2025 theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 30/06/2022 của HĐND thị xã**					**8.900**		**5.900**	**3.000**					*Phân bổ chi tiết khi các dự án trong Đề án đảm bảo các thủ tục đầu tư theo quy định*
XIII	**Các dự án khai thác quỹ đất để tạo nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn mới tại các xã và tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng chỉnh trang đô thị tại các phường thuộc thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam**					**28.000**	-	-	**28.000**	-	-	-	-	
1	Đầu tư Khu dân cư nông thôn tại thôn Thanh Quýt 4, xã Điện Thắng Trung để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	xã Điện Thắng Trung	TTPTQĐ thị xã Điện Bàn	20761/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	14.889	3.000			3.000					
2	Đầu tư Khu dân cư chỉnh trang đô thị tại khối phố 5, phường Vĩnh Điện (Từ Khu 1 đến Khu 4) để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng chỉnh trang đô thị	phường Vĩnh Điện	TTPTQĐ thị xã Điện Bàn	19882/QĐ-UBND ngày 08/12/2021	2.946	1.000			1.000					
3	Đầu tư Khu dân cư nông thôn tại Khu Rộc Mẹo, thôn Cẩm Văn Tây, xã Điện Hồng để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	xã Điện Hồng	TTPTQĐ thị xã Điện Bàn	7966/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	2.981	1.500			1.500					
4	Đầu tư Khu dân cư nông thôn tại Khu cây da Thanh Tú, thôn An Thanh , xã Điện Thắng Nam để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	xã Điện Thắng Nam	TTPTQĐ thị xã Điện Bàn	09/QĐ-UBND ngày 05/01/2023	12.741	2.800			2.800					
5	Đầu tư Khu dân cư nông thôn tại thôn Đa Hoà Bắc (Khu 1), xã Điện Hồng để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	xã Điện Hồng	TTPTQĐ thị xã Điện Bàn	3587/QĐ-UBND ngày 29/3/2022	3.446	800			800					

STT	DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ	Địa điểm xây dựng	Đơn vị quản lý dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư	Tổng mức đầu tư	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024	Nguồn dự toán năm 2024							Ghi chú
							Nguồn XDCB tập trung	Nguồn thu tiền sử đất		Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách tỉnh			Ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu	
								Tiền sử dụng đất thu từ các dự án do doanh nghiệp làm chủ đầu tư phát sinh trên địa bàn thị xã được tỉnh điều tiết 50%	Tiền sử dụng đất thị xã thu hưởng 100%	Nguồn thu Tiền sử dụng đất	Nguồn XSKT	Nguồn XDCB tập trung		
6	Đầu tư Khu dân cư nông thôn tại thôn thôn Nhị Dinh 3, xã Điện Phước để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	xã Điện Phước	TTPTQĐ thị xã Điện Bàn	20745/QĐ-UBND ngày 19/12/2021	14.911	6.700			6.700					
7	Đầu tư Khu dân cư nông thôn tại thôn Viêm Tây 2, xã Điện Thắng Bắc để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng nông thôn mới	xã Điện Thắng Bắc	TTPTQĐ thị xã Điện Bàn	3956/QĐ-UBND ngày 04/4/2022	7.773	2.700			2.700					
8	Đầu tư Khu dân cư nông thôn tại thôn Trung Phú 1, xã Điện Minh để tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng hạ tầng nông thôn mới	xã Điện Minh	TTPTQĐ thị xã Điện Bàn	399/QĐ-UBND ngày 20/01/2022	49.742	1.000			1.000					
9	Nguồn chưa phân bổ để thực hiện các dự án khai thác quỹ đất để tạo nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn mới tại các xã và tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng chỉnh trang đô thị tại các phường thuộc thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam					8.500			8.500					*Phân bổ chi tiết khi các dự án đảm bảo các thủ tục đầu tư theo quy định*
XIV	**Xây dựng trụ sở Công an xã thực hiện theo Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của HĐND tỉnh Quảng Nam Về xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Quảng Nam**					**4.200**		**2.100**	**2.100**					*Phân bổ chi tiết khi các dự án đảm bảo các thủ tục đầu tư theo quy định*
XV	**Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của HĐND tỉnh Quảng Nam về ban hành Đề án cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ và các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022 - 2026**					**1.687**		**687**	**1.000**					*Phân bổ chi tiết khi các dự án đảm bảo các thủ tục đầu tư theo quy định*
XVI	**Thực hiện bố trí 10% nguồn thu tiền sử dụng đất thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính**					**14.000**			**14.000**					*Phân bổ chi tiết khi các dự án đảm bảo các thủ tục đầu tư theo quy định*
XVII	**Dự án chuyển tiếp sang năm 2023** ***(Dự án giai đoạn 2016-2020 chuyển sang giai đoạn 2021-2025)***					**41.600**	**-**	**30.600**	**11.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Đường ĐH6.ĐB nối dài (đoạn cuối tuyến từ ĐH5.ĐB đến ĐH1.ĐB)	xã Điện ThắngBắc	BQLDA ĐTXD thị xã	81266/QĐ-UBND ngày 22/8/2022	14.400	**4.000**		2.000	2.000					
2	Nâng cấp mở rộng đường trục chính qua trung tâm TX (đoạn từ ngã ba Cây Sợp đến ngã ba đường tránh Điện Minh)	xã Điện Minh	BQLDA ĐTXD thị xã	1599/QĐ-UBND ngày 28/2/2019	109.963	**6.000**		3.000	3.000					

STT	DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ	Địa điểm xây dựng	Đơn vị quản lý dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư	Tổng mức đầu tư	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024	Nguồn dự toán năm 2024							Ghi chú
							Nguồn XDCB tập trung	Nguồn thu tiền sử đất		Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách tỉnh			Ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu	
								Tiền sử dụng đất thu từ các dự án do doanh nghiệp làm chủ đầu tư phát sinh trên địa bàn thị xã được tỉnh điều tiết 50%	Tiền sử dụng đất thị xã thu hưởng 100%	Nguồn thu Tiền sử dụng đất	Nguồn XSKT	Nguồn XDCB tập trung		
3	Đường nối tuyến ĐT603A với đường ĐT 607 (Đoạn còn lại 2,4km) phường Điện Ngọc, điểm đầu nút giao ngã ba đường ĐT607A (Ngã ba Cây Xoài)	phường Điện Ngọc	BQLDA ĐTXD thị xã	8631/QĐ-UBND ngày 23/9/2020	316.921	**25.000**		25.000						
4	Đầu tư xây dựng hạ tầng Khu dân cư Nam Điện An	phường Điện An, Phường Vĩnh Điện	BQLDA ĐTXD thị xã	9757/QĐ-UBND ngày 20/10/2020	43.899	**1.600**		600	1.000					
5	Đường và cầu ĐH7 qua sông Vĩnh Điện	xã Điện Thắng Trung-Phường Điện Ngọc	BQLDA ĐTXD thị xã	1770/QĐ-UBND ngày 02/7/2020	228.000	**5.000**			5.000					
XVIII	**Danh mục đầu tư 2021-2025 (bắt đầu tự hiện năm 2021 và năm 2022, 2023, 2024)**					**264.228**	**12.900**	**209.800**	**25.400**	**10.000**	**-**	**1.128**	**5.000**	
1	Nâng cấp vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Trần Nhân Tông (đoạn từ cầu Vĩnh Điện đến Ngã ba cây Sợp)	Phường Vĩnh Điện	BQLDA ĐTXD thị xã	13817/QD-UBND ngày 28/8/2021	52.000	**10.000**	3.000	3.000	4.000					
2	Đường ĐH9 - đoạn còn lại	phường Điện Nam Đông	BQLDA ĐTXD thị xã	Quyết định số 10783/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	98.000	**14.000**		7.000	7.000					
3	Nâng cấp, cải tạo vỉa hè khu vực TTHC thị xã (đường Mẹ Thứ, Trần Cao Vân, Hoàng Diệu)	Phường Vĩnh Điện	BQLDA ĐTXD thị xã	10929/QĐ-UBND ngày 10/11/2022	23.000	**15.000**		11.100	3.900					
4	Nâng cấp, mở rộng đường nối ĐT409 với ĐT605	xã Điện Hoà	BQLDA ĐTXD thị xã	10313 /QĐ-UBND ngày 03/10/2022	14.700	**5.500**		5.500						
5	Đầu tư xây dựng nhà chợ chính Thanh Quýt	phường Điện Thắng Trung	BQLDA ĐTXD thị xã	4064/QĐ-UBND ngày 15/4/2022	7.500	**500**		500						
6	Xây dựng cầu qua sông nhánh sông Cổ Cò phường Điện An (Nối khối phố Phong Nhị và Ngọc Liên)	phường Điện An	BQLDA ĐTXD thị xã	19915/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	8.000	**500**		500						
7	Trụ sở làm việc cơ quan thị ủy	phường Vĩnh Điện	BQLDA ĐTXD thị xã	13252 /QĐ-UBND ngày 25/8/2021	50.000	**4.500**	4.500							
8	Đường vành đai phía bắc tỉnh Quảng Nam	thị xã Điện Bàn	BQLDA ĐTXD thị xã	1312/QĐ-UBND ngày 16/5/2022	498.000	**5.000**							5.000	

STT	DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ	Địa điểm xây dựng	Đơn vị quản lý dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư	Tổng mức đầu tư	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024	Nguồn dự toán năm 2024							Ghi chú
							Nguồn XDCB tập trung	Nguồn thu tiền sử đất		Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách tỉnh			Ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu	
								Tiền sử dụng đất thu từ các dự án do doanh nghiệp làm chủ đầu tư phát sinh trên địa bàn thị xã được tỉnh điều tiết 50%	Tiền sử dụng đất thị xã thu hưởng 100%	Nguồn thu Tiền sử dụng đất	Nguồn XSKT	Nguồn XDCB tập trung		
9	Nghĩa trang liệt sỹ thị xã Điện Bàn	xã Điện Thắng Trung	BQLDA ĐTXD thị xã	866/QĐ-UBND ngày 31/3/2022	58.000	**5.633**	5.000					633		
10	Nâng cấp,mở rộng trục chính nội thị (Ngã ba đường tránh Điện Minh - Cầu Câu lâu)	phường Điện Minh, phường Điện Phương	BQLDA ĐTXD thị xã	14684/QĐ-UBND ngày 08/9/2021	263.230	**15.000**		15.000						
11	Cầu dân sinh Tây An	xã Điện Phong	BQLDA ĐTXD thị xã	10350/QĐ-UBND ngày 28/8/2021	11.450	**3.000**		3.000						
12	Khu dân cư Nam Điện An (giai đoạn 2). HM: GT, TN, cây xanh điện chiếu sáng, san nền vệt khai thác	Phường Điện An	BQLDA ĐTXD thị xã	5145/QĐ-UBND ngày 23/5/2022	125.000	**35.000**		35.000						
13	Nâng cấp, mở rộng đường 773 (Giai đoạn II)	phường Điện Nam Trung	BQLDA ĐTXD thị xã	11870/QĐ-UBND ngày 21/12/2021	51.817	**20.000**		20.000						
14	Giải phóng mặt bằng mở rộng Khu sơ tán tại xã Điện Phong	xã Điện Phong	BQLDA ĐTXD thị xã	44/QĐ-UBND ngày 22/3/2023	8.000	**200**		200						
15	Cải tạo, nâng cấp đường Hồ Xuân Hương và cải tạo Hồ Sen	phường Vĩnh Điện	BQLDA ĐTXD thị xã	1538/QĐ-UBND ngày 06/4/2023	96.000	**50.000**		50.000						
16	Di dời ngay các công trình hạ tầng kỹ thuật (Trạm biến áp, trụ điện trung hạ thế, trụ viễn thông) trên địa bàn thị xã	Điện Bàn	BQLDA ĐTXD thị xã	3614/QĐ-UBND ngày 27/6/2023	12.800	**3.000**		3.000						
17	Nâng cấp, sửa chữa, xây dựng thêm phòng làm việc Đội Kiểm tra quy tắc đô thị	phường Vĩnh Điện	Đội Kiểm tra quy tắc đô thị	5873/QĐ-UBND ngày 29/8/2023	1.150	**400**	400							
18	Khu dân cư mới Đồng Hạnh, xã Điện Minh	xã Điện Minh	TTPTQĐ thị xã Điện Bàn	8049/QĐ-UBND ngày 16/8/2022	40.160	**9.500**			9.500					
19	Sửa chữa cải tạo, đảm bảo an toàn giao thông nút giao tuyến ĐT608 với Quốc lộ 1, địa điểm xã Điện Minh, thị xã Điện Bàn	xã Điện Minh	TTPTQĐ thị xã Điện Bàn	8941/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	4.100	**1.000**			1.000					
20	Trung tâm Thể dục - Thể thao Bắc Quảng Nam, thị xã Điện Bàn	phường Vĩnh Điện	BQLDA ĐTXD thị xã	6549-13/8/20	121.000	**10.000**				10.000				
21	Dự án trồng cây phân tán Chương trình trồng 1 tỷ cây xanh theo Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thị xã Điện Bàn	Điện Bàn	Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp thị xã	2474-16/11/22	495	**495**						495		

STT	DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ	Địa điểm xây dựng	Đơn vị quản lý dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư	Tổng mức đầu tư	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024	Nguồn dự toán năm 2024							Ghi chú
							Nguồn XDCB tập trung	Nguồn thu tiền sử đất		Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách tỉnh			Ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu	
								Tiền sử dụng đất thu từ các dự án do doanh nghiệp làm chủ đầu tư phát sinh trên địa bàn thị xã được tỉnh điều tiết 50%	Tiền sử dụng đất thị xã thu hưởng 100%	Nguồn thu Tiền sử dụng đất	Nguồn XSKT	Nguồn XDCB tập trung		
22	Khu đô thị Nghĩa Tự, phường Điện Dương, thị xã Điện Bàn	phường Điện Dương	TTPTQĐ thị xã Điện Bàn	7992/QĐ-UBND ngày15/11/2023	74.325	**31.000**		31.000						
23	Khu dân cư mới Phong Thử	xã Điện Thọ	TTPTQĐ thị xã Điện Bàn	20498/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	61.716	**25.000**		25.000						
XIX	**NGUỒN VỐN XDCB NĂM 2024 CHƯA PHÂN BỔ ĐỂ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC HĐND THỊ XÃ THÔNG QUA TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025**					**93.082**		81.347	6.951			4.785		*Phân bổ chi tiết khi các dự án đảm bảo các thủ tục đầu tư theo quy định và theo nhu cầu sử dụng vốn năm 2024 của các chủ đầu tư đề nghị*
E	**HỖ TRỢ CÁC DỰ ÁN DO XÃ PHƯỜNG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ TẠI CÁC NGHỊ QUYẾT ĐÃ ĐƯỢC HĐND THỊ XÃ THÔNG QUA TẠI KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025**					**30.000**		15.000	15.000					*Phân bổ chi tiết khi các dự án đảm bảo các thủ tục đầu tư theo quy định và theo nhu cầu sử dụng vốn năm 2024 của các chủ đầu tư đề nghị*

Ghi chú:

+ ** Chỉ được giải ngân kế hoạch vốn sau khi các dự án này đảm bảo các điều kiện thủ tục theo quy định hiện hành